| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN NINH KIỀU**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**<br>Bản án số: 86/2022/DS-ST<br>Ngày 10/6/2022<br>V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Văng Thị Ngọc Yến.**

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Phan Công Ny;**

Bà **Nguyễn Thị Mai Hồng.**

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Ông **Tô Văn Tông** – Kiểm sát viên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Châu L**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số H, đường M, phường N, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh P**, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số A, đường X, Khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Đỗ Kim D**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số A, đường X, Khu dân cư H, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*(Các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2021 và quá trình tố tụng, ông Trần Thanh P người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Châu L trình bày và yêu

cầu: Vào ngày 28/12/2017, ông Trần Châu L có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T vay số tiền 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng, không tính lãi trong thời gian vay. Ngày 15/3/2018, vợ chồng ông T đã trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn nợ lại 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Nay ông L yêu cầu vợ chồng ông T phải trả cho ông L số tiền vay còn nợ là 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 16/3/2018 đến nay tính tròn 03 năm với lãi suất 10%/năm, tiền lãi tính tròn là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 2.620.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, khi vay tiền vợ chồng ông T có giao cho ông L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04695 ngày 19/6/2012 do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D để làm tin. Sau khi vợ chồng ông T trả hết nợ, ông L sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thừa nhận ông có vay của ông Trần Châu L số tiền số tiền 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng). Ngày 15/3/2018, vợ chồng ông đã trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn nợ lại 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Nay ông đồng ý trả cho ông L số tiền vay còn nợ là 2.020.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến nay với lãi suất 10%/năm.

Khi vay tiền ông có giao cho ông L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04695 ngày 19/6/2012 do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp cho vợ chồng ông để làm tin. Ông yêu cầu ông L giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Kim D đã được tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh P vẫn giữ ý kiến như đã trình bày. Ông yêu ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D phải trả cho ông Trần Châu L số tiền vay còn nợ là 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tính tròn 03 năm) với số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 2.620.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn T thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Thanh P về

thỏa thuận vay tiền giữa ông và ông L. Nay ông đồng ý trả cho ông L số tiền vay còn nợ là 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Đồng thời, ông thống nhất với ông Phong về thời gian tính lãi từ ngày 16/3/2018 và lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, hiện nay do vợ chồng ông đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông xin được giảm lãi và được trả dần.

Bà Đỗ Kim D trình bày: Tại thời điểm ông Nguyễn Văn T vay nợ của ông Trần Châu L thì bà không biết, tuy nhiên, sau đó ông L đến tìm bà thông báo về việc ông T vay tiền. Bà đã cùng ông T trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đối với số tiền nợ 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) còn lại bà đề nghị ông L cho ông bà được trả dần; Ông L đã đồng ý và hứa giảm tiền nợ gốc cho ông bà. Nay bà đồng ý cùng ông T trả số tiền còn nợ cho ông L, tuy  nhiên, do hiện nay gia đình ông bà đang gặp khó khăn nên bà yêu cầu ông L giảm số tiền gốc, tiền lãi cho ông bà như đã hứa và cho ông bà được trả dần.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

Về nội dung, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất về số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/3/2018 với lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, do các đương sự không thống nhất về việc giảm lãi và thời gian trả nợ nên không có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận giữa các bên.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay, lãi suất và thời gian tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Kim D tuy không trực tiếp vay tiền của nguyên đơn, tuy nhiên, bà D là vợ của bị đơn, bà xác định biết việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn, đồng thời bà đồng ý trả nợ cùng bị đơn nên có căn cứ buộc bà D có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bị đơn. Đối với việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là không đúng quy định pháp luật nên cần buộc nguyên đơn giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn ông Trần Châu L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D trả lại cho ông số tiền vay 2.020.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 28/12/2017. Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại số A, đường X, khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 2.020.000.000 đồng, nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Châu L có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh P và bị đơn ông Nguyễn Văn T thống nhất thừa nhận ông Nguyễn Văn T có vay của ông Trần Châu L số tiền 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tài sản được công chứng ngày 28/12/2017 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích Liên thành phố Cần Thơ. Ngày 15/3/2018, ông Nguyễn Văn T đã trả cho ông Trần Châu L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), số tiền vay còn nợ là 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Do vậy có căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn T còn nợ ông Trần Châu L số tiền 2.020.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất và thời gian tính lãi, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận khi vay tiền hai bên thỏa thuận kỳ hạn vay là từ ngày 27/12/2017 đến ngày 27/02/2018 và không tính lãi trong thời gian vay. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trong trường hợp vay không có lãi, khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (tức 10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đối chiếu với quy định nêu trên, nhận thấy, nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm đối với số tiền vay kể từ thời điểm hết thời hạn vay (ngày 28/02/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2022).

Tiền lãi từ ngày 28/02/2018 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 10/6/2022 là 04 năm 03 tháng 13 ngày: 2.020.000.000 đồng X 10%/năm X 04 năm 03 tháng 13 ngày = 862.331.267 đồng (Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba

mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 2.020.000.000 đồng + 862.331.267 đồng = 2.882.331.267 đồng (Hai tỷ tám trăm tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 16/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tính tròn 03 năm) với số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); Tổng cộng gốc và lãi là 2.620.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng); Yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

[4] Đối với bà Đỗ Kim D, tuy không trực tiếp vay tiền từ ông Trần Châu L, tuy nhiên, bà Đỗ Kim D là vợ của ông Nguyễn Văn T, bà thừa nhận biết việc vay tiền giữa ông L và ông T; Đồng thời bà đã cùng ông T trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Nay bà D đồng ý cùng ông Nguyễn Văn T trả số tiền còn nợ cho ông Trần Châu L. Do vậy, ông Trần Châu L yêu ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D về việc xin giảm tiền gốc, tiền lãi và xin được trả dần, do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[6] Đối với việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là không đúng quy định pháp luật nên cần buộc nguyên đơn giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Châu L.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D phải trả cho ông Trần Châu L số tiền **2.620.000.000 đồng** (Hai tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Châu L có trách nhiệm trả lại ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04695 ngày 19/6/2012 do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Kim D phải chịu 84.400.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Châu L được nhận lại 36.200.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0001064 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TP.CT;
-VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Văng Thị Ngọc Yến**